

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

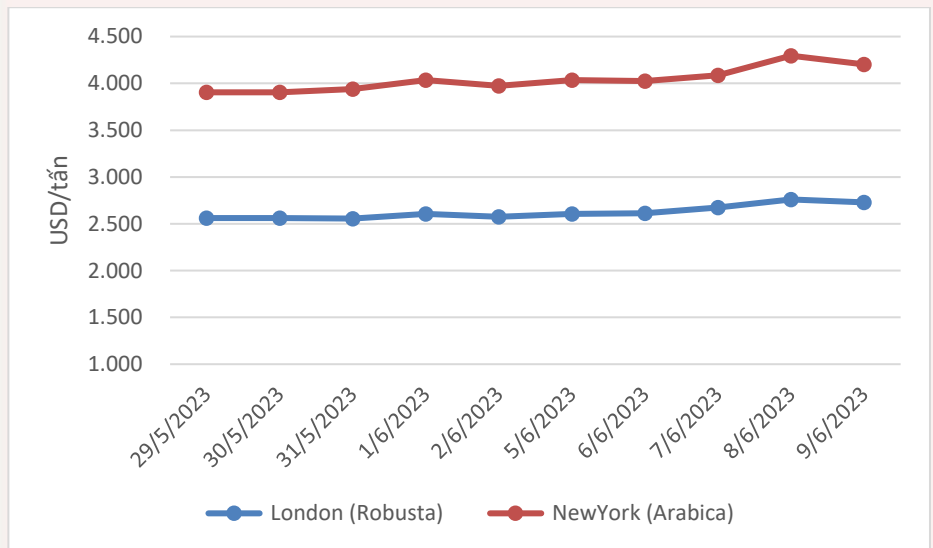
Tuần 23 (05/06/2023 - 09/06/2023)



ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn T07/2023 tăng 4,07 % so với tuần trước đạt mức bình quân 2.677 USD/tấn.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2023 tăng 4,25% so với tuần trước đạt mức bình quân 4.269 USD/tấn.
- ❖ Theo số liệu của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), trong tháng 4 năm nay xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt hơn 10,1 triệu bao, giảm 2,6% so với 10,4 triệu bao của cùng kỳ năm ngoái.
- ❖ Xuất khẩu cà phê xanh trong tháng 4/2023 đạt 9,2 triệu bao giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 07/2023 có xu hướng tăng trở lại. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.677 USD/tấn, tăng 4,07% so với tuần trước, và tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.760 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.607 USD/tấn. [1]

Thị trường New York kỳ hạn tháng 7/2023 tăng nhẹ so với tuần trước. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.130 USD/tấn, tăng 4,45% so với mức giá tuần trước, nhưng giảm 19,6% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.296 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.026 USD/tấn.[1]

Theo số liệu của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), trong tháng 4 năm nay xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt hơn 10,1 triệu bao, giảm 2,6% so với 10,4 triệu bao của cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế trong 7 tháng đầu niên vụ 2022-2023 (22/10/2022 đến 23/4/2023), xuất khẩu cà phê toàn cầu đã giảm 6,2% (4,77 triệu bao) so với cùng kỳ niên vụ trước xuống còn 72,2 triệu bao. Trong niên vụ 2022/23, xuất khẩu cà phê Arabica đạt tổng cộng 75,2 triệu bao, giảm 9,6% so với năm trước; trong khi xuất khẩu Robusta đạt 48,5 triệu bao, giảm 1%. [2]

Cà phê nhân xanh chiếm hơn 90% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu với 9,2 triệu bao trong tháng 4, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, đây đã là tháng sụt giảm thứ 5 liên tiếp của xuất khẩu cà phê nhân xanh toàn cầu kể từ đầu niên vụ 2022-2023. Tính chung 7 tháng đầu niên vụ 2022-2023 xuất khẩu cà phê nhân xanh toàn cầu chỉ đạt 64,9 triệu bao, giảm 6,4% so với niên vụ trước [2]

Trong 7 tháng qua, xuất khẩu nhóm cà phê nhân xanh Arabica Brazil giảm 9% xuống còn 21 triệu bao; Arabica khác giảm 13,8% xuống 11,2 triệu bao; Arabica Colombia giảm 15,3% xuống 6,3 triệu bao. Riêng Robusta tăng lên 26,4 triệu bao so với 25,8 triệu bao của cùng kỳ niên vụ 2021-2022. Theo đó, tỷ trọng cà phê Robusta trong tổng xuất khẩu cà phê toàn cầu đã tăng lên mức 40,6% từ mức 37,2% của niên vụ trước. Đây cũng là tỷ trọng cao nhất của Robusta trong cơ cấu cà phê nhân xuất khẩu trong những niên vụ gần đây. Trái lại, tỷ trọng của Arabica giảm từ 62,8% xuống còn 59,4%. [2]

Xuất khẩu cà phê hòa tan cũng giảm 3,7% trong tháng 4 xuống còn 0,87 triệu bao. Lũy kế 7 tháng đầu niên vụ, xuất khẩu cà phê hòa tan đạt tổng cộng 6,8 triệu bao, giảm 4,3% so với 7,1 triệu bao của cùng kỳ niên vụ cà phê trước. Xét về tỷ trọng, cà phê hòa tan chiếm 9,4% trong tổng xuất khẩu cà phê toàn cầu, tăng nhẹ so với 9,1% của tháng 4/2022. Brazil hiện là nước xuất khẩu cà phê hòa tan lớn nhất thế giới, với khối lượng 0,34 triệu bao trong tháng 4. [2]

Trong khi đó, xuất khẩu cà phê rang xay trong tháng 4 bất ngờ tăng mạnh 38,6% lên 72.925 bao. Mặc dù vậy, từ tháng 10/2022 đến tháng 4/2023 xuất khẩu cà phê rang xay giảm nhẹ xuống 0,44

triệu bao, so với 0,45 triệu bao của cùng kỳ năm trước. [2]

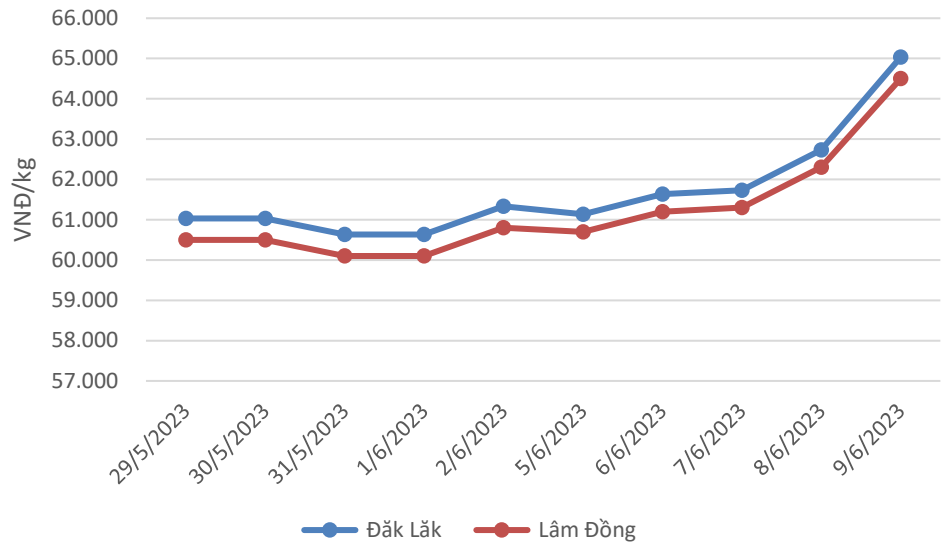
Cơ quan phi lợi nhuận của Pháp về bình ổn giá trị sản phẩm nông nghiệp (AVPA) sẽ tổ chức chương trình trao giải cuộc thi 'Coffees Roasted at Origin' thường niên lần thứ chín trong năm nay. Cà phê là một trong bốn chương trình giải thưởng hiện đang được sản xuất bởi AVPA có trụ sở tại Paris, được thành lập vào năm 2005 và tìm cách đánh giá những nỗ lực cá nhân của các nhà sản xuất hàng hóa như cà phê, dầu ăn, trà và ca cao.

Thông qua các cuộc thi tập trung vào nguồn gốc và liên kết với thế giới ẩm thực Pháp và quốc tế, nhóm tìm cách trao giải cho sự khác biệt trong các danh mục sản phẩm trước đây được đánh giá theo giá trị hàng hóa. Giải thưởng sẽ được cung cấp theo hai hạng mục chính: espresso và cupping truyền thống. Theo AVPA, cuộc thi cà phê năm 2022 bao gồm gần 200 mẫu cà phê từ 25 quốc gia sản xuất cà phê khác nhau. Thể lệ cuộc thi kêu gọi một ban giám khảo bao gồm các chuyên gia cà phê, chuyên gia ẩm thực và người tiêu dùng. [3]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng mạnh so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 62.453 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 62.000 VNĐ/kg.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 165 nghìn tấn, trị giá 396 triệu USD.
- ❖ Lũy kế 5 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của nước ta ước đạt mức 2.295 USD/tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm ngoái

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng mạnh với tuần trước và đạt mức kỷ lục trong 3 tháng gần đây. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 62.453 VNĐ/kg, tăng 2,49% so với tuần trước và tăng 46,56% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 2,65% so với tuần trước, lên mức bình quân 62.000 VNĐ/kg, và tăng 47,27% so với cùng kỳ năm 2022. [4]

Theo Cục xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương tháng 5/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 165 nghìn tấn, trị giá 396 triệu USD, tăng 0,9% về lượng, nhưng giảm 0,7% về trị giá so với tháng 4/2023, so với tháng 5/2022 tăng 15,7% về lượng và tăng 21,8% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 882 nghìn tấn, trị giá 2,02 tỷ USD, giảm 2,2% về lượng, nhưng tăng 0,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Tháng 5/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt mức 2.399 USD/tấn, giảm 1,6% so với tháng 4/2023, nhưng tăng 5,3% so với tháng 5/2022. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của nước ta ước đạt mức 2.295 USD/tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm ngoái. 4 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica giảm, nhưng xuất khẩu cà phê Excelsa và cà phê chế biến tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan cho biết, xuất khẩu cà phê Robusta trong tháng 4/2023 đạt xấp xỉ 145 nghìn tấn, trị giá 312,67 triệu USD, tăng 5,3% về lượng và tăng 16% về trị giá so với tháng 4/2022. Tính chung 4 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Robusta của Việt Nam đạt 647,74 nghìn tấn, trị giá 1,29 tỷ USD, giảm 2,9% về lượng và giảm 2,0% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta sang

các thị trường Tây Ban Nha, Nhật Bản, Bỉ, Anh, Hà Lan giảm, nhưng xuất khẩu sang các thị trường Đức, Ý, Hoa Kỳ, Nga tăng.[5]

Giá cà phê tăng cao đã cà đang tạo cơ hội cho nông dân gắn bó với ngành cà phê và nâng cao giá trị sản xuất cà phê của hộ. Theo Sở Nông nghiệp và PTNT Đắk Lắk, diện tích cà phê toàn tỉnh đạt 213.336 ha, sản lượng đạt trên 526.700 tấn/năm, trong đó có khoảng trên 10% diện tích cà phê sản xuất tập trung thành vùng chuyên canh, còn lại gần 90% diện tích do nông dân tự trồng, chăm sóc và quản lý. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 39 tổ hợp tác và 53 HTX nông nghiệp trong lĩnh vực sản xuất cà phê. Các HTX sản xuất cà phê hoạt động mang lại hiệu quả khá cao đã liên kết các hộ nông dân trồng cà phê và tổ chức lại sản xuất theo hướng bền vững, có chứng nhận, tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp... góp phần tạo ra sản phẩm cà phê có chất lượng và giá trị kinh tế cao trên thị trường.[6]

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn không ít vườn cây của các nông hộ bị bỏ bê do giá sản phẩm xuống thấp trong thời gian quá dài, trong khi giá vật tư nông nghiệp tăng cao khiến nông dân đầu tư chăm sóc kém, tái canh hạn chế... Việc giá cà phê tăng cao đã khuyến khích một số nông dân bắt đầu trồng lại vườn cà phê ở những diện tích già cỗi và bắt đầu chú trọng đầu tư, chăm sóc tốt vườn cây... Theo bà Lương Thị Oanh, Giám đốc HTX Sản xuất nông nghiệp Ea Wy, việc giá cà phê tăng cao đã khích lệ tinh thần bà con yên tâm gắn bó với cây trồng này và đây cũng là cơ hội làm giàu của nông dân. Hiện HTX vẫn giữ ổn định vườn cây, khuyến cáo bà con không mở rộng thêm diện tích mà chú trọng nâng cao chất lượng vườn cây bằng cách sản xuất theo các chứng nhận VietGAP, hữu cơ và các chứng nhận quốc tế khác.[6]

Đồng thời, HTX tăng thêm máy móc để nâng cao chất lượng chế biến theo quy trình cà phê đặc sản, cà phê chất lượng cao. Năm vừa rồi HTX bán được 5 tấn cà phê đặc sản, với giá tăng thêm 15.000 đồng/kg. Năm nay khuyến khích bà con tăng thêm sản lượng cà phê chất lượng cao, HTX

sẽ chuyển giao kỹ thuật đến cho các thành viên tự chế biến hoặc HTX sẽ thu mua quả chín 100% để chế biến và tìm kiếm những đơn hàng có giá tốt nhằm tạo đầu ra ổn định cho dòng cà phê này, cũng như mang lại lợi nhuận tốt nhất cho người nông dân. [6]

Tình hình dịch hại trên cây cà phê ở một số vùng như sau: Bọ xít muỗi tiếp tục gây hại trên Cà phê chè ở Lâm Đồng; bọ cánh cứng tiếp tục gây hại trên cây Cà phê ở giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Kon Tum, Đắk Lắk; rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, khô quả, mọt đục quả, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt,... tiếp tục gây hại. Đối với bệnh khô cành, - Bệnh khô cành, diện tích nhiễm 8.198 ha (tăng 73 ha so với kỳ trước, trong đó nhiễm nặng 75 ha; diện tích được phòng trừ trong kỳ 10.009 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước...; Bệnh gỉ sắt, diện tích nhiễm 7.282 ha (tăng 49 ha so với kỳ trước), trong đó nhiễm nặng 01 ha; phòng trừ trong kỳ 10.719 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, ...[7]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. icocoffee.org/documents/cy2022-23/cmr-0423-e.pdf
3. <https://coffeerary.vn/tin-tuc-ca-phe-tuan-qua-nghien-cuu-moi-giai-thich-xay-min-hon-co-the-dan-den-espresso-yeu-hon/>
4. Công tác viên khu vực tây nguyên
5. https://moit.gov.vn/upload/2005517/fck/files/Bản_tin_Thờng_NLT_S_31_5_2023_f7605.pdf
6. [Giá cà phê tăng cao: Cơ hội cho nông dân tăng giá trị vườn cây - Báo Đắk Lắk điện tử \(baodaklak.vn\)](https://baodaklak.vn)
7. <https://www.ppd.gov.vn/tin-moi-nhat-289/thong-bao-tinh-hinh-dich-hai-tuan-01-thang-06-nam-2023.html>

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	60.700	61.200	61.300	62.300	64.500	62.000	1.600
Di Linh	60.700	61.200	61.300	62.300	64.500	62.000	1.600
Lâm Hà	60.700	61.200	61.300	62.300	64.500	62.000	1.600
Bảo Lộc	60.700	61.200	61.300	62.300	64.500	62.000	1.600
ĐẮK LẮK	61.133	61.633	61.733	62.733	65.033	62.453	1.520
Cư M'gar	61.200	61.700	61.800	62.800	65.100	62.520	1.520
Ea H'leo	61.100	61.600	61.700	62.700	65.000	62.420	1.520
Buôn Hồ	61.100	61.600	61.700	62.700	65.000	62.420	1.520
ĐẮK NÔNG	61.250	61.750	61.850	62.850	65.150	62.570	1.620
Gia Nghĩa	61.300	61.800	61.900	62.900	65.200	62.620	1.620
Đắk R'lấp	61.200	61.700	61.800	62.800	65.100	62.520	1.620
GIA LAI	60.933	61.433	61.533	62.533	64.733	62.233	1.540
Chư Prông	61.000	61.500	61.600	62.600	64.800	62.300	1.540
Pleiku	60.900	61.400	61.500	62.500	64.700	62.200	1.540
La Grai	60.900	61.400	61.500	62.500	64.700	62.200	1.540
KON TUM	61.000	61.500	61.600	62.600	64.900	62.320	1.560
Đắk Hà	61.000	61.500	61.600	62.600	64.900	62.320	1.560

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO iNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn